

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS- ST

Ngày: 25/8/2021

V/v Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Dương Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 95/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXX- ST ngày 28 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021 ngày 13/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị O, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 05/02 đường Đ, phố L, phường R, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú B, sinh năm 1959.

- Bị đơn: Công ty Công nghiệp tàu thủy Hoàng Long

Địa chỉ: Đường Đ, phố L, phường R, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hữu T - Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phú B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 05/02 đường Đ, phố L, phường R, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Vắng mặt Người đại diện hợp pháp của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/5/2004, Công ty cổ phần đóng tàu T (Nay là Công ty CP công nghiệp tàu thủy H) ký Hợp đồng lao động với bà Trịnh Thị O. Cùng ngày, Công ty cổ phần đóng tàu T có Quyết định tuyển dụng và bố trí công tác bà O vào bộ phận tổ cạo rĩ sơn tàu thủy, giữ chức vụ: Công nhân hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Thời gian tuyển dụng kể từ ngày 03/5/2004 với hệ số lương là 1,64.

Quá trình làm việc tại Công ty, bà O được hưởng bảo hiểm theo chế độ như đã ghi trong hợp đồng. Đến tháng 4 năm 2013, do Công ty đóng tàu ít việc nên bà O đã nghỉ việc nhưng bà O thỏa thuận với Công ty H cho bà được gửi đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế với mục đích để bà O được hưởng chế độ hưu trí. Tổng số tiền bà O đã đóng cho Công ty H thể hiện trên các phiếu thu do ông Nguyễn Phú B là chồng bà O đóng. Cụ thể, từ tháng 4 năm 2013 đến 30/6/2019 là 80.469.100đ. Đến ngày 30/6/2019, Công ty H đã có Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với bà O kể từ ngày 01/7/2019. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty H đã trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà O. Trong sổ bảo hiểm xã hội thể hiện Công ty H đã hoàn thành nghĩa vụ đóng bảo hiểm cho bà O thời gian từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 7 năm 2013. Tổng số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà Công ty H thu của bà O 06 năm 06 tháng từ tháng 4 năm 2013 đến 30/6/2019 là 80.449.800đ nhưng Công ty H không đóng cho Bảo hiểm xã hội.

Do đó bà O đề nghị Tòa án buộc Công ty Công nghiệp tàu thủy H hoàn trả cho bà số tiền 80.449.800đ mà bà O đã gửi đóng bảo hiểm cho bà từ tháng 7 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2019.

Đối với bị đơn là Công ty CP công nghiệp tàu thủy H:

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Ngô Hữu T đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phú B trình bày:

Ngày 03/5/2004, Công ty cổ phần đóng tàu T (Nay là Công ty CP công nghiệp tàu thủy H) ký Hợp đồng lao động với vợ tôi là Trịnh Thị O và bố trí công tác bà O vào bộ phận tổ cạo rĩ sơn tàu thủy.

Quá trình làm việc tại Công ty, bà O được hưởng bảo hiểm theo chế độ như đã ghi trong hợp đồng. Đến tháng 4 năm 2013, do Công ty đóng tàu ít việc nên bà O đã nghỉ việc nhưng bà O thỏa thuận với Công ty H cho bà được gửi đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế với mục đích để bà O được hưởng chế độ hưu trí. Tôi là chồng bà O đã đến Công ty H đóng bảo hiểm cho bà O, từ tháng 4 năm 2013 đến 30/6/2019 là 80.449.800đ. Mỗi lần nộp tiền đều có phiếu thu và có đóng dấu của Công ty cổ phần

công nghiệp tàu thủy H. Đến ngày 30/6/2019, Công ty H đã có Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động với bà O. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty H đã trả số bảo hiểm xã hội cho bà O. Trong sổ bảo hiểm xã hội thể hiện Công ty H đã hoàn thành nghĩa vụ đóng bảo hiểm cho bà O thời gian từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 7 năm 2013. Tổng số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà Công ty H thu của bà O 06 năm 06 tháng từ tháng 4 năm 2013 đến 30/6/2019 là 80.449.800đ nhưng Công ty H không đóng cho cơ quan bảo hiểm.

Ông B đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O, đề nghị Tòa án buộc Công ty Công nghiệp tàu thủy Hoàng L hoàn trả cho bà O số tiền 80.449.800đ mà bà O đã gửi đóng bảo hiểm từ tháng 7 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2019.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Công nghiệp tàu thủy H không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Công nghiệp tàu thủy H phải trả cho bà Trịnh Thị O số tiền 80.449.800đ. Chấp nhận sự tự nguyện của bà O về việc không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

Đối với sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn nhưng đại diện hợp pháp của Công ty Công nghiệp tàu thủy Hoàng Long vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bị đơn trả tiền. Do đó đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản. Bị đơn có trụ sở tại địa bàn thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trịnh Thị O là công nhân hợp đồng của Công ty cổ phần đóng tàu T (Nay là Công ty CP công nghiệp tàu thủy H) từ ngày 03/5/2004 đến tháng 4 năm 2013. Quá trình làm việc tại Công ty, bà O được hưởng bảo hiểm theo chế độ như đã ghi trong hợp đồng. Từ tháng 4 năm 2013 đến ngày 30/6/2019 bà O không làm việc tại Công ty H nhưng xin được gửi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế với số tiền 80.449.800đ nhằm mục đích để được hưởng chế độ hưu trí. Mỗi lần nộp tiền đều có phiếu thu và có đóng dấu của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H. Số tiền này Công ty không đóng cho bảo hiểm. Bà O đã có đơn gửi đến các cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết.

Ngày 02/6/2020, Công an thành phố Thanh Hóa đã có Thông báo số 1385/TB-CATP về việc giải quyết đơn tố cáo của công dân với nội dung: Từ ngày 30/5/2004 đến tháng 4 năm 2013, bà O là Công nhân hợp đồng của Công ty H. Sau khi nghỉ việc, bà O thỏa thuận với Công ty H để gửi đóng tiền BHXH, BHYT mục đích để hưởng chế độ hưu trí. Tổng số tiền BHXH mà Công ty H thu của bà O thể hiện trên 20 tờ phiếu thu do ông Nguyễn Phú B (chồng bà O) đóng là 80.449.800đ. Số tiền này Công ty đã nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội, tuy nhiên cơ quan BHXH tỉnh Thanh Hóa đã trừ số tiền trên vào tiền nợ và tiền lãi của Công ty H, do đó chưa ghi nhận quá trình đóng BHXH của bà O trong thời gian này.

Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành làm việc với Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa, xác định quá trình đóng BHXH, BHYT của bà O tại Công ty H hoàn thành từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 7 năm 2013, thời gian từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 6 năm 2019 Công ty H có đóng số tiền BHXH là 554.802.500đ, được trừ vào tiền nợ bảo hiểm của Công ty, vì vậy không ghi nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà O. Việc Công ty H thu tiền và thỏa thuận cho bà O gửi đóng bảo hiểm xã hội vi phạm quy định về lập hồ sơ hưởng chế độ BHXH. Công an thành phố Thanh Hóa đã chuyển hồ sơ đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa để giải quyết theo quy định.

Ngày 03/9/2020, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa có công văn số 1117/BHXH-TTKT gửi Công an thành phố Thanh Hóa với nội dung: Từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 6 năm 2019 bà Trịnh Thị O không có trong danh sách lao động,

không có trong bảng chấm công và thanh toán tiền lương. Theo báo cáo của Công ty H, bà O có thỏa thuận gửi đóng BHXH, BHYT tại Công ty từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 6 năm 2019.

Ngày 29/12/2020 Ủy ban kiểm tra Công đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam trả lời đơn của bà O với nội dung: Việc bà Trịnh Thị Onghi việc mà vẫn đóng BHXH đầy đủ tại Công ty H từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 5 năm 2019, cơ quan Bảo hiểm xác định bà O không có bảng lương và bảng chấm công ở Công ty thì Bảo hiểm không chấp nhận và thực tế Công ty cũng không nộp BHXH cho bà O. Công ty thu tiền của bà O không đóng cho cơ quan BHXH thì Công ty có trách nhiệm trả lại tiền cho bà O. Đây là quan hệ dân sự, nếu hai bên không thỏa thuận được thì bà O có quyền khởi kiện để Tòa án giải quyết, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào 20 tờ phiếu thu do ông Nguyễn Phú B (chồng bà O) đóng từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 6 năm 2019 với tổng số tiền là 80.449.800đ. Trên mỗi phiếu thu đều có đóng dấu của Công ty H. Do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị O.

Đối với số tiền trên, bà O không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy, bị đơn là Công ty Công nghiệp tàu thủy H đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Do đó áp dụng Điều 105 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị O. Buộc Công ty Công nghiệp tàu thủy H phải trả cho bà Trịnh Thị O số tiền 80.449.800đ, không tính lãi suất.

[5] Về án phí: Công ty Công nghiệp tàu thủy H phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà O theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105; Điều 155; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị O.

Buộc Công ty Công nghiệp tàu thủy H phải trả cho bà Trịnh Thị O số tiền 80.449.800đ (Tám mươi triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì

hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Công ty Công nghiệp tàu thủy H phải nộp 4.022.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trịnh Thị O toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.011.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0012429 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS - TP H;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh